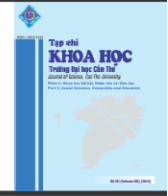




Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ  
website: [sj.ctu.edu.vn](http://sj.ctu.edu.vn)



## ỨNG DỤNG BỘ BẢN ĐỒ GIÁO KHOA ĐIỆN TỬ TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ 11 (NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM TẠI TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÁI TẮC - HẬU GIANG)

Hồ Thị Thu Hồ, Lê Văn Nhung và Hồ Thị Ngọc Huyền  
Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

### Thông tin chung:

Ngày nhận: 06/01/2016

Ngày chấp nhận: 23/05/2016

### Title:

Using series of educational e-maps in teaching and learning geography at Grade 11 (the experimental study at Cai Tac high school in Hau Giang province)

### Từ khóa:

Bộ bản đồ giáo khoa điện tử, sử dụng bản đồ trong dạy học Địa lí 11, phát triển năng lực học sinh, tỉnh Hậu Giang

### Keywords:

Educational E-maps educational E-maps in teaching and learning Geography at Grade 11, students' competency development, Hau Giang province

### ABSTRACT

This paper presents the results of the experimental application of the series of educational E-maps in teaching and learning Geography at Grade 11 in Cai Tac high school, Hau Giang province. This series of educational E-maps was built from scientific research project with basic level, T2013-64 by the group of Geography Education Department, School of Education, Can Tho University (CTU) in 2014. The experimental study was carried out through two Geography lessons of Grade 11 towards competency development of students, with comparisons between the experimental class and the controlled class. The results demonstrated that students in experimental class mastered the lesson better than students in controlled class. The experiments also experienced issues to improve the series of educational E-maps to enhance the efficiency of these applications in teaching and learning Geography at Grade 11.

### TÓM TẮT

Bài viết này trình bày kết quả thực nghiệm (TN) ứng dụng bộ bản đồ giáo khoa (BDGK) điện tử vào dạy học Địa lí 11 tại Trường THPT Cái Tắc, tỉnh Hậu Giang. Bộ BDGK điện tử là sản phẩm của đề tài cấp trường T2013-64 do nhóm giảng viên Bộ môn Sư phạm Địa lí, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) thực hiện năm 2014. Việc thực nghiệm ứng dụng bộ BDGK điện tử này được thực hiện qua 2 bài học Địa lí 11 theo hướng phát triển năng lực học sinh (HS), có so sánh giữa lớp thực nghiệm (TN) và lớp đối chứng (ĐC). Kết quả TN sư phạm đã chứng tỏ HS lớp TN nắm vững kiến thức bài học hơn HS lớp ĐC. Qua TN cũng thấy được những vấn đề cần hoàn thiện bộ BDGK điện tử để nâng cao hiệu quả ứng dụng trong dạy học Địa lí lớp 11.

Trích dẫn: Hồ Thị Thu Hồ, Lê Văn Nhung và Hồ Thị Ngọc Huyền, 2016. Ứng dụng bộ bản đồ giáo khoa điện tử trong dạy học địa lí 11 (Nghiên cứu thực nghiệm tại Trường Trung học phổ thông Cái Tắc - Hậu Giang). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 43c: 103-108.

## 1 GIỚI THIỆU

Bản đồ (BĐ) vừa là phương tiện dạy học trực quan và sinh động, đồng thời cũng là nguồn tri thức rất quan trọng trong dạy học Địa lí. Bản đồ giúp học sinh (HS) có cách nhìn tổng quát về

không gian, qua đó thấy được mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng địa lí trên những lãnh thổ nhất định (Nguyễn Dược, 2010). Đây là phương tiện không thể thiếu để phát triển năng lực chuyên biệt

của HS trong dạy học Địa lí, năng lực sử dụng BĐ (Hồ Thị Thu Hồ, 2014b).

Trong những năm gần đây, việc trang bị BĐ giáo khoa (GK) phục vụ dạy học Địa lí trong các trường THPT đã có sự cải thiện đáng kể, tuy nhiên hệ thống BĐGK phục vụ dạy học Địa lí lớp 11 còn nhiều hạn chế.

Năm 2001 Bộ Giáo dục và Đào tạo có xuất bản “Tập BĐ Thế giới và các châu lục” để phục vụ dạy học Địa lí 11 THPT, nhưng tập BĐ này chỉ thể hiện tự nhiên và hành chính các châu mà không có các quốc gia theo chương trình Địa lí 11 nên rất khó cho giáo viên (GV) và HS sử dụng trong dạy học (Hồ Thị Thu Hồ, 2014a). Vì vậy, GV và HS gần như không sử dụng tập BĐ này. Năm 2007, Nhà xuất bản Giáo dục, Công ty cổ phần BĐ và tranh ảnh giáo dục có xuất bản “Tập BĐ-Bài tập và bài thực hành Địa lí 11” nhưng tập BĐ này chỉ là dạng bài tập rất đơn giản, không phục vụ hiệu quả cho việc dạy học của GV và HS, vì thế, GV và HS ít sử dụng (Hồ Thị Thu Hồ, 2014b).

Từ thực tế đó, năm 2014 nhóm giảng viên Bộ môn Sư phạm Địa lí, Khoa Sư phạm, ĐHTC đã thực hiện đề tài cấp trường T2013-64 nhằm xây dựng “Bộ BĐGK điện tử và tập BĐ phục vụ dạy học Địa lí 11”.

Để đánh giá hiệu quả sử dụng của bộ BĐGK điện tử này, nhóm nghiên cứu đã tiến hành TN tại trường THPT Cái Tắc, Hậu Giang. Những kết quả TN bước đầu cho thấy, bộ BĐGK điện tử được đánh giá là phù hợp cho dạy học chương trình Địa

lí 11 theo hướng phát triển năng lực HS. Bài viết này được trình bày cụ thể về kết quả nghiên cứu TN và những đánh giá thực tế đối với bộ BĐGK điện tử phục vụ dạy học Địa lí 11.

## 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

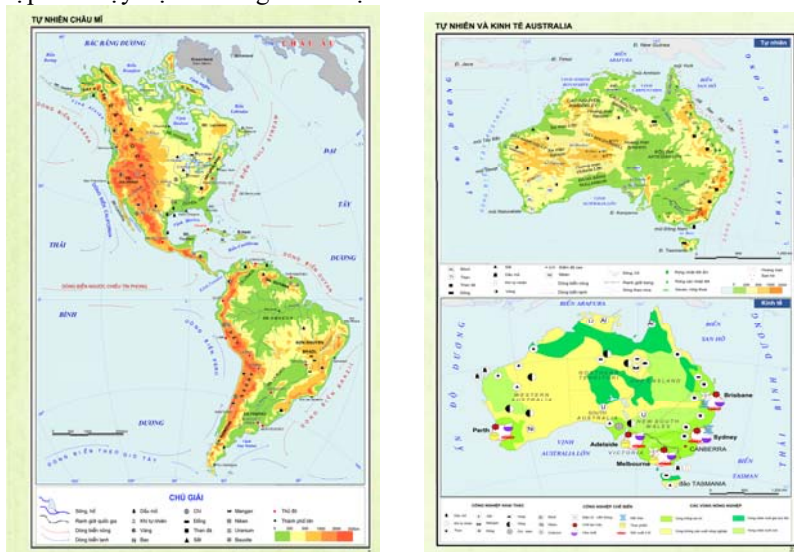
### 2.1 Phương tiện nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng một số phương tiện sau:

#### 2.1.1 Bộ BĐGK điện tử phục vụ dạy học Địa lí 11 (Bộ BĐGK điện tử T2013-64)

Như trên đã nêu, bộ BĐGK điện tử là sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường (T2013-64) do nhóm tác giả của Bộ môn Sư phạm Địa lí, Khoa Sư phạm, ĐHTC thực hiện năm 2014. Từ đây xin gọi tắt là bộ BĐ T2013-64 hay bộ BĐGK điện tử. Đây là một file ảnh bao gồm 26 BĐ và một số tranh ảnh, biểu đồ, sơ đồ, số liệu về các vấn đề của thế giới, các châu lục, khu vực và các quốc gia có giảng dạy trong chương trình Địa lí 11.

Bộ BĐ T2013-64 không chỉ đảm bảo tính thống nhất về hình thức mà còn đảm bảo tính khoa học về nội dung, cung cấp chi tiết thông tin về các đối tượng trên BĐ, gắn với nội dung cụ thể của từng khu vực và các quốc gia được dạy theo chương trình SGK Địa lí 11. Bộ BĐGK điện tử là một công cụ thuận tiện cho GV khi thiết kế giáo án điện tử, giảng dạy trên lớp, kiểm tra đánh giá nhằm phát huy tính tích cực của HS, tạo được sự hứng thú, tìm tòi và khám phá cho HS, góp phần nâng cao chất lượng dạy học Địa lí ở trường THPT.



Hình 1: Một số trang BĐ (đã thu nhỏ) trích từ bộ BĐ T2013-64

### 2.1.2 Một số phương tiện khác

Song song với việc sử dụng bộ ĐĐGK điện tử, chúng tôi còn sử dụng một số phương tiện khác trong nghiên cứu như: 1/ bài kiểm tra đánh giá năng lực HS qua bài học; 2/ phiếu khảo sát ý kiến HS; 3/ bảng câu hỏi phỏng vấn GV và giáo sinh dự giờ; 4/ phần mềm SPSS để thống kê số liệu đã điều tra GV và HS; 5/ máy quay phim, chụp ảnh, ghi âm để thu thập thông tin từ phỏng vấn, dự giờ, trao đổi sau dự giờ và dạy TN.

## 2.2 Địa bàn, đối tượng và thời gian nghiên cứu

### 2.2.1 Địa bàn nghiên cứu

Địa bàn nghiên cứu cho TN này là trường THPT Cái Tắc, tỉnh Hậu Giang. Trước đây Trường có tên là THPT Tầm Vu 2, từ tháng 6 năm 2014 được đổi tên là Trường THPT Cái Tắc. Vị trí của Trường thuộc ấp Tân Phú A, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Trường THPT Cái Tắc hiện có diện tích 15.241 m<sup>2</sup>, gồm 31 phòng học, 2 phòng vi tính nối mạng, 3 phòng thực hành thí nghiệm, 2 phòng CNTT và một phòng lab đa năng áp dụng PPDH mới. Tổng số lớp là 29, khối 10: 11 lớp, khối 11: 9 lớp và khối 12: 9 lớp (Trang web của Trường THPT Cái Tắc, 2015).

Nhìn chung, về vị trí địa lý, điều kiện cơ sở vật chất và tổ chức lớp học của Trường thuận tiện cho việc tổ chức TN sư phạm theo nghiên cứu này nên nhóm chúng tôi đã chọn Trường THPT Cái Tắc để thực hiện cho nghiên cứu của mình.

### 2.2.2 Đối tượng và thời gian nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chính của thực nghiệm này là 68 HS hai lớp 11 Trường THPT Cái Tắc, Hậu Giang. HS lớp TN và lớp ĐC được chọn có trình độ học tập ngang nhau dựa theo kết quả xếp loại từ học kỳ trước khi TN.

Thời gian thực nghiệm được tiến hành trong tháng 2 và tháng 3 năm 2015, giai đoạn giáo sinh tham gia thực tập sư phạm.

## 2.3 Phương pháp nghiên cứu

### 2.3.1 Phương pháp nghiên cứu tư liệu

Trước tiên chúng tôi tổng hợp và nghiên cứu các nguồn tài liệu liên quan đến chương trình Địa lí 11 và các loại ĐĐ giáo khoa, biểu đồ,... để hiểu rõ nội dung chương trình và phương tiện được xây dựng phục vụ dạy học Địa lí 11, đặc biệt, nghiên cứu bộ ĐĐGK điện tử được xây dựng từ đề tài T2013-64 của Trường ĐHTC. Đồng thời chúng tôi còn nghiên cứu các phương pháp sử dụng ĐĐ theo xu hướng dạy học tích cực để phát triển năng lực

HS trong dạy học Địa lí để có cơ sở nghiên cứu việc ứng dụng ĐĐ trong dạy và học Địa lí 11 đầy đủ và khoa học.

### 2.3.2 Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Chúng tôi đã tổ chức dạy TN ứng dụng bộ ĐĐGK điện tử T2013-64 trong dạy học Địa lí 11 tại trường THPT Cái Tắc, tỉnh Hậu Giang. Mẫu TN được tiến hành qua hai bài dạy, mỗi bài nhóm tác giả bố trí thu kết quả so sánh giữa một lớp TN có sử dụng bộ ĐĐGK điện tử và một lớp ĐC không sử dụng bộ ĐĐGK điện tử. Người dạy là một giáo sinh thực tập sư phạm (TTSP) cũng là một thành viên trong nhóm tác giả bài viết này. Chúng tôi thu thập thông tin trong phương pháp TN sư phạm bằng cách cho HS làm bài kiểm tra sau khi kết thúc mỗi bài dạy và trả lời bảng câu hỏi điều tra sau đó. Kết quả TN được sử dụng để phân tích và đánh giá mức độ khả thi của bộ ĐĐGK điện tử trong dạy học Địa lí 11. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu còn phỏng vấn giáo sinh, GV, những thành viên có dự giờ trong quá trình TN, kể cả giáo sinh tham gia giảng dạy và HS của lớp TN để ghi nhận ý kiến cụ thể về việc sử dụng bộ ĐĐGK điện tử trong quá trình dạy và học. Toàn bộ thông tin từ TN được ghi chép, ghi âm và ghi hình để làm cơ sở nghiên cứu.

### 2.3.3 Phương pháp toán thống kê

Các số liệu thu thập từ TN sẽ được xử lý theo phương pháp toán thống kê. Những số liệu này được kiểm chứng trên cơ sở lý thuyết thống kê và xử lý bằng phần mềm SPSS nhằm xác định độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

## 3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1 Cơ sở lý thuyết về sử dụng ĐĐ trong dạy học Địa lí theo hướng phát triển năng lực

Bản đồ được sử dụng như một phương tiện phát triển tư duy cho HS rất thuận lợi (Nguyễn Dược, 2010). Có nhiều phương pháp dạy học (PPDH) được áp dụng với ĐĐ như dạy học nêu vấn đề, dạy học tình huống, dạy học thảo luận nhóm, dạy học qua trò chơi, dạy học theo dự án... GV có thể đặt câu hỏi/ vấn đề cho HS giải quyết trực tiếp trên ĐĐ, qua đó xây dựng được kiến thức, rèn được kỹ năng và từ đó phát triển được nhiều năng lực cho HS (Đặng Văn Đức và Nguyễn Thu Hằng, 2003; Hồ Thị Thu Hồ, 2014b). Một trong những năng lực quan trọng đó là năng lực giải quyết vấn đề và năng lực sử dụng ĐĐ (Hồ Thị Ngọc Huyền, 2015).

GV có thể sử dụng ĐĐ để thiết kế giáo án, thực hiện bài dạy trên lớp, kiểm tra đánh giá kiến thức HS. Trong quá trình dạy có thể kiểm tra bài cũ qua

BĐ, vào bài từ BĐ, yêu cầu HS phân tích, giải thích kiến thức trên BĐ, củng cố bài bằng BĐ. Ngay cả có thể cho HS làm bài tập về nhà từ BĐ. Có như vậy mới phát triển năng lực sử dụng BĐ của HS.

Đặc biệt, với BDGK điện tử, GV rất thuận lợi trong thiết kế bài giảng điện tử, biên soạn nhiều dạng bài học với nhiều cách dạy khác nhau. GV có thể thiết kế nhiều hình thức kiểm tra đánh giá qua BDGK điện tử. Những tư liệu này được lưu trữ và có thể chia sẻ, kết nối với các đồng nghiệp khác nhau qua phương tiện CNTT (Lê Văn Nhung, 2011; Hồ Thị Ngọc Huyền, 2015).

**Bảng 1: Thống kê kết quả kiểm tra lớp TN và ĐC qua hai bài dạy**

Giá trị nghiên cứu		Bài thứ nhất		Bài thứ 2	
		Lớp TN	Lớp ĐC	Lớp TN	Lớp ĐC
Số mẫu	Mẫu có giá trị	34	34	34	34
	Mẫu bị lỗi	0	0	0	0
Điểm trung bình		8.250	7.485	8.956	8.059
Sai số		.2227	.2249	.1808	.1955
Độ lệch chuẩn		1.2983	1.3113	1.0543	1.1399
Phương sai		1.686	1.719	1.112	1.299
Hệ số biến thiên		3.5	4.0	3.5	4.0
Điểm số nhỏ nhất		6.5	6.0	6.5	6.0
Điểm số lớn nhất		10	10	10	10

Dựa vào bảng tổng hợp các tham số ở trên cho thấy:

– Điểm trung bình bài kiểm tra của lớp TN cao hơn lớp đối chứng, lần lượt 8.2/7.5 (cao hơn 0.7 điểm) ở lần thứ nhất và 8.9/8.1 (cao hơn 0.8 điểm) ở lần thứ hai.

– Số lượng HS có điểm trên 8 của lớp TN cũng nhiều hơn lớp đối chứng. Trong khi lớp đối chứng có một số HS điểm 6 thì lớp TN không có.

– Độ lệch chuẩn có giá trị tương đối nhỏ, ở lần thứ nhất: lớp TN là 1.2983, lớp đối chứng là 1.3113 và lần thứ hai: lớp TN là 1.0543, lớp đối chứng là 1.1399 nên số liệu thu được ít phân tán, do đó trị trung bình có độ tin cậy cao.

–  $S^2_{TN} < S^2_{ĐC}$  và  $V_{TN} < V_{ĐC}$  chứng tỏ độ phân tán ở lớp TN giảm so với lớp đối chứng. Cụ thể:

+ Ở lần thứ nhất có  $S^2_{TN} = 1.686 < S^2_{ĐC} = 1.719$  và lần thứ hai có  $S^2_{TN} = 1.112 < S^2_{ĐC} = 1.299$

+ Ở lần thứ nhất có  $V_{TN} = 3.5 < V_{ĐC} = 4.0$  và lần thứ 2 có  $V_{TN} = 3.5 < V_{ĐC} = 4.0$

### 3.2 Kết quả TN sư phạm

#### 3.2.1 Kết quả thực nghiệm qua bài kiểm tra

Sau mỗi bài dạy TN, chúng tôi cho HS làm bài kiểm tra ở cả lớp TN và lớp ĐC. Bài dạy thứ nhất là bài 10: Trung Quốc (Tiết 2: Kinh tế); bài dạy thứ hai là bài 11: Khu vực Đông Nam Á (Tiết 1: Tự nhiên, dân cư và xã hội). Cả hai bài đều thuộc chương trình Địa lí 11, có sử dụng BĐ trong nội dung bài dạy, đáp ứng đủ yêu cầu của nghiên cứu. Kết quả cụ thể được xử lý và thể hiện qua bảng dưới đây:

#### \* Kiểm định giả thuyết thống kê

Kết quả tính toán cho thấy điểm trung bình ở lớp TN ( $\bar{X}_{TN}$ ) cao hơn lớp đối chứng ( $\bar{X}_{ĐC}$ ). Để kiểm định về sự khác nhau giữa hai điểm trung bình này, chúng tôi dựa vào giả thuyết:

– Giả thuyết  $H_0$ : sự khác nhau giữa  $X_{TN}$  và  $X_{ĐC}$  là không có ý nghĩa.

– Giả thuyết  $H_1$ : điểm trung bình  $X_{TN}$  lớn hơn  $X_{ĐC}$  một cách có ý nghĩa.

Kết quả tính toán thu được:

– Lần TN thứ nhất có  $t = 2,4164$ . Tra bảng phân phối Student với mức ý nghĩa  $\alpha = 0.05$  (độ tin cậy 95%) và bậc tự do  $f = n_{TN} + n_{ĐC} - 2 = 66$ , ta có  $t_\alpha = 1.6683$ .

– Lần TN thứ hai có  $t = 3,3686$ . Tra bảng phân phối Student với mức ý nghĩa  $\alpha = 0.05$  (độ tin cậy 95%) và bậc tự do  $f = n_{TN} + n_{ĐC} - 2 = 66$ , ta có  $t_\alpha = 1.6683$ .

Như vậy, rõ ràng  $t > t_{\alpha}$  ở cả 2 lần TN nên giả thuyết  $H_0$  bị bác bỏ và ta chấp nhận giả thuyết  $H_1$ . Điều này chứng tỏ HS lớp TN nắm vững kiến thức đã được truyền thụ hơn HS lớp đối chứng với mức ý nghĩa 0.05 (độ tin cậy 95%).

### 3.2.2 Ưu nhược điểm khi sử dụng Bộ BD T2013-64 trong dạy học Địa lí 11

Qua TN kết hợp phỏng vấn GV, giáo sinh dự giờ và khảo sát ý kiến HS, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp một số ưu nhược điểm trong quá trình sử dụng bộ BD T2013-64 như sau:

#### \* Ưu điểm

– Bộ BDGK điện tử được thiết kế phù hợp với nội dung bài học, phù hợp với các BD trong SGK, đây chính là điều kiện thuận lợi cho HS trong việc đối chiếu, nhận biết và theo dõi khi học ở lớp và ở nhà. Nhờ đó HS khai thác kiến thức, thông tin một cách nhanh chóng và chính xác.

– Sử dụng bộ BDGK điện tử, GV kết hợp được các PPDH theo hướng tích cực như: đàm thoại, dạy học nêu vấn đề, hoạt động nhóm, tranh luận... nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo, chủ động của HS, giúp HS dễ dàng hiểu bài và tạo được hứng thú cho các em trong tiết dạy, nhờ đó mang lại hiệu quả cao cho bài học.

– Bộ BDGK điện tử đảm bảo tính khoa học, tính trực quan vừa sức HS, giúp GV thuận tiện hơn trong việc thiết kế bài giảng và hướng dẫn HS các kỹ năng về BD như: đọc BD, phân tích, giải thích nội dung kiến thức từ BD... bộ BDGK điện tử có màu sắc khá hài hòa, kí hiệu trên BD hợp lí, giúp HS phát triển óc thẩm mỹ, tạo sự hứng thú trong quá trình học tập và lĩnh hội kiến thức. Khi GV sử dụng BDGK điện tử kích thích sự tập trung chú ý của HS vào đối tượng cụ thể trên BD, điều này giúp quá trình tiếp thu kiến thức của HS được dễ dàng và sâu sắc hơn. Từ những điều này đã tạo được sự hứng thú và phát triển được năng lực sử dụng BD cho HS.

– Khi sử dụng bộ BDGK điện tử, GV tiết kiệm được kinh phí, vì không phải in ấn các BD, các hình ảnh liên quan đến bài dạy. Một GV đã trao đổi: “Sử dụng BDGK điện tử này GV vừa không tốn chi phí in ấn BD vừa không mất quá nhiều thời gian ghi bảng vì các nội dung đã có sẵn trên màn hình, từ đó GV có thể dùng hiệu ứng hoặc liên kết làm nổi bật nội dung cần dạy trên BD. Hơn nữa những thiết kế này được lưu trữ qua files nên rất dễ dàng lưu lại và chỉnh sửa cho các lần dạy sau”.

– Sử dụng bộ BDGK điện tử GV dễ chốt lại kiến thức bài học và dễ củng cố bài bằng nhiều hình thức như: sơ đồ tư duy, câu hỏi trắc nghiệm khác quan, trò chơi ô chữ... từ đó phát triển được tư duy, óc nhạy bén cho HS, giúp HS ghi nhớ bài hiệu quả hơn. GV có thể kết hợp sử dụng nhiều BD cùng một lúc nhờ các hiệu ứng trình chiếu của máy tính, các nội dung bài học được gắn kết với nhau dễ dàng. Đặc biệt, GV có thể sử dụng các BD, số liệu, thông tin trong bộ BDGK điện tử để ra câu hỏi kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút và nhiều dạng đánh giá khác rất tiện lợi.

#### \* Nhược điểm

– Một số nội dung thể hiện trong bộ BDGK điện tử (như kí hiệu, tên quốc gia...) rất nhỏ và mờ, vì thế HS khó quan sát BD và khó theo dõi bài học.

– Số liệu và hình ảnh ở một số trang BD chưa đồng bộ nên khó cho GV khi sử dụng.

### 3.2.3 Thuận lợi và khó khăn trong ứng dụng bộ BDGK điện tử vào dạy học

#### \* Thuận lợi

Hiện nay, các trường THPT đều có phòng máy tính và các thiết bị tin học đủ để ứng dụng CNTT nói chung và ứng dụng bộ BDGK điện tử nói riêng vào dạy học; hầu hết GV Địa lí THPT đều được trang bị kiến thức và kỹ năng CNTT cần thiết, nhất là kỹ năng về hệ thống thông tin địa lí (GIS); HS cũng có kiến thức về tin học và rất hứng thú với việc học bằng ứng dụng CNTT,...

#### \* Khó khăn

Thực tế nội dung bài nhiều nhưng thời gian tiết dạy chỉ có 45 phút nên GV khó khai thác sâu được nội dung BD, việc rèn luyện kỹ năng khai thác BD cho HS còn hạn chế. Khi sử dụng bộ BDGK điện tử, GV mất nhiều thời gian để thiết kế bài dạy, phải suy nghĩ để xây dựng câu hỏi, tổ chức các hoạt động dạy học sao cho phù hợp...

Ngoài ra, để sử dụng BDGK điện tử yêu cầu phải có đầy đủ các trang thiết bị giảng dạy như máy tính, máy chiếu, màn hình hoặc lắp đặt tivi, máy chiếu có thể kết nối được với máy tính... nên mất thời gian, công sức và phụ thuộc vào cơ sở vật chất của trường.

Hơn nữa, để sử dụng BDGK điện tử, GV phải biết sử dụng CNTT và thao tác sử dụng phải nhanh, thành thạo... như vậy tiết dạy mới đạt hiệu quả cao, tạo sự hứng thú cho HS. Đây là một trong những hạn chế mà không phải GV nào cũng ứng dụng được.

### 3.2.4 Đề nghị của GV và HS

Qua nghiên cứu, GV và HS đã có những đề nghị cụ thể như sau:

– Bộ BDGK điện tử cần được bổ sung thêm hình ảnh vào các trang còn trống; bổ sung thêm số liệu đủ tương đồng cho tất cả các quốc gia; cần chỉnh sửa chữ và ký hiệu ở một số BD sao cho rõ và thống nhất; màu sắc ở một số BD cần đậm hơn, các đường ranh giới thể hiện trên BD cần nét hơn, ví dụ BD hành chính Trung Quốc cần cho màu đậm hơn, đường nét rõ hơn, nên làm nổi bật ranh giới các tỉnh và các khu tự trị.

– GV và HS đều đề nghị đưa bộ BDGK điện tử này vào dạy học Địa lí 11 THPT và cần in bộ BD thành tập BD khổ A4 để mỗi HS có thể sử dụng thuận tiện như quyển Atlas Địa lí Việt Nam trong dạy học Địa lí 12 THPT hiện nay. Có như vậy thì GV và HS mới sử dụng bộ BD thuận lợi và đạt hiệu quả cao.

## 4 KẾT LUẬN

Qua TN sư phạm và khảo sát thực tế đã cho thấy bộ BDGK điện tử T2013-64 có giá trị thiết thực trong dạy học Địa lí 11 THPT, đặc biệt thuận lợi cho GV và HS khi áp dụng các PPDH theo hướng phát triển năng lực người học.

Với bộ BDGK điện tử GV dễ áp dụng các PPDH tích cực như tổ chức dạy học hợp tác, dạy học nêu vấn đề/ xử lý tình huống... để giúp HS chủ động khai thác kiến thức từ BD, trao đổi, tranh luận trên BD. Nhờ vậy, HS hứng thú trong học tập, tăng tính chủ động, sáng tạo và phát triển được tư duy đồng thời rèn luyện được các kỹ năng sử dụng BD. Nhờ đó, HS phát triển tốt năng lực sử dụng BD (Phát hiện, phân tích, so sánh, giải thích, tổng hợp, đánh giá dựa trên BD).

Tuy nhiên, bộ BD vẫn còn những thiếu sót nhất định. Những thiếu sót này sẽ được nhóm nghiên cứu và chỉnh sửa sao cho phù hợp và đảm bảo tính khoa học, tính thực quan và tính sư phạm để việc sử dụng của GV và HS được hiệu quả.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ TN cho hai bài dạy thì chưa phản ánh được hết toàn bộ nội dung chương trình Địa lí 11, hơn nữa chỉ TN phần BD điện tử mà chưa có tập BD in cho HS sử dụng. Vì vậy, trong nghiên cứu tiếp theo, chúng tôi sẽ in bộ BD này ra khổ A4 thành một tập BD như quyển Atlas để TN trong cả năm học cho HS lớp 11 tại

trường THPT nhằm kiểm chứng toàn diện cả bộ BD điện tử và tập BD in khổ A4 trong dạy học cũng như trong kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực HS.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ GD & ĐT, Dự án phát triển GV THPT và TCCN, 2013. Tài liệu tập huấn thí điểm phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông. Hà Nội. 205 trang.
- Đặng Văn Đức và Nguyễn Thu Hằng, 2003. Phương pháp dạy học Địa lí theo hướng tích cực. NXB Đại học Sư Phạm. Hà Nội. 315 trang.
- Hồ Thị Thu Hồ, Lê Văn Nhung, 2014a. Thực trạng và giải pháp sử dụng BD trong dạy học Địa lí lớp 11: Trường hợp tại TP Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang, Tạp chí Khoa học trường ĐHCT 32 (2014) trang 18-24.
- Hồ Thị Thu Hồ (chủ nhiệm đề tài), 2014b. Xây dựng series BD giáo khoa điện tử và tập BD phục vụ dạy học Địa lí 11 – THPT, T2013 - 64, Báo cáo tổng kết đề tài khoa học và công nghệ cấp trường, Trường Đại học Cần Thơ.
- Hồ Thị Ngọc Huyền, 2015. “Ứng dụng series BD giáo khoa điện tử từ đề tài T2013 - 64 trong dạy học Địa lí 11 – THPT”, Luận văn tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm Địa lí, ĐHCT, tháng 5/2015.
- Lê Thông (chủ biên) và ctv, 2009, Sách giáo khoa Địa lí 11. Tái bản lần thứ hai. NXB Giáo dục. TP Hồ Chí Minh. 116 trang.
- Lê Văn Nhung, 2011. Xây dựng và sử dụng hồ sơ điện tử dạy học Địa lí 11 THPT, Báo cáo tổng kết đề tài NCKH & CN cấp trường T2011-48, Trường Đại học Cần Thơ.
- Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo do Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng ký ngày 4.11.2013.
- Nguyễn Dược và Nguyễn Trọng Phúc, 2010. Lý luận dạy học Địa lí. Tái bản lần thứ tư. NXB Đại học Sư Phạm. Hà Nội. 293 trang.
- Trang web của Trường THPT Cái Tắc, Hậu Giang. Truy cập ngày 12 tháng 4/2015, <http://haugiang.edu.vn/ver2/index.php?u=thpttamvu2&page=1450>